

Số: /BVUBĐN-BMT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất Đợt 3 cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, địa chỉ: Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà Đinh Vy Hạnh, SĐT: 0236.3717.213, email: bmt.bvubdn@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6.

- Nhận file mềm excel và bản scan qua địa chỉ email: bmt.bvubdn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 14 tháng 04 năm 2025 đến trước 09h ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá: **Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.**

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế.

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:
 - Thời gian cung ứng dự kiến 24 tháng kể từ Quý II năm 2025.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không.
 - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Hồ sơ báo giá bao gồm:
 - a. **Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này.**
 - b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các mặt hàng báo giá (Bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).
 - c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.
 - d. Quyết định trúng thầu kèm Danh mục chi tiết hàng hoá chào giá: Phải thông qua **Đấu thầu rộng rãi** và phải còn hiệu lực trong vòng **12 tháng** (từ tháng 05/2024 đến nay).

*Lưu ý: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. **Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá.** Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

1
PHỤ LỤC 01

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 575/BVUBĐN-BMT ngày 14 tháng 04 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Băng dán sườn 10cm x 4,5m	Băng thun kích cỡ 10cm x 4,5m Chất liệu: cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, có kiểm tra vi sinh. Hoặc tương đương	Cuộn	105	31	
2	Băng dính vải không dệt	Băng dính vải không dệt Chất liệu: bột giấy polyester, keo acrylic ít dị ứng, không chứa cao su. Sử dụng cho da nhạy cảm có nguy cơ tổn thương hoặc da ẩm Kích thước: chiều rộng $\geq 2,5$ cm và $6\text{m} \leq$ chiều dài $\leq 10\text{m}$. Đóng thành từng cuộn riêng lẻ. Hoặc tương đương.	Mét	155.928	46.778	
3	Băng dính cá nhân	Băng dính cá nhân (20mm $\pm$ 2mm) x (65mm $\pm$ 7mm), co giãn tốt. Thành phần: Sợi vải đàn hồi, miếng gạc có khả năng thấm hút tốt. Băng có khả năng bám dính tốt trên da.... Hoặc tương đương	Miếng	461.610	138.483	
4	Băng thun 7,5cm x 4,5m	Băng thun có khả năng co giãn tốt. Kích thước: 7,5cm x 4,5m. Chất liệu: polyester, Latex Hoặc tương đương	Cuộn	23	6	
5	Băng thun 10cm x 4,5m	Băng thun có khả năng co giãn tốt. Thành phần: sợi cotton,..., kích thước 10cm x 4,5m. Đóng gói từng cuộn riêng biệt Hoặc tương đương	Cuộn	1.488	446	
6	Băng thun 15cm x 4,5m	Băng thun có khả năng co giãn tốt. Thành phần: sợi cotton hoặc polyester,..., kích thước 15cm x 4,5m. Đóng gói từng cuộn riêng biệt Hoặc tương đương	Cuộn	190	57	
7	Băng cuộn 7cm x 1,3m	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút cao. Kích thước 7cm ($\pm 0,7$ cm) x 1,3m (± 13 cm) Hoặc tương đương	Cuộn	460	138	
8	Gạc Meche 3,5cm*75cm * 8 lớp, vô trùng, có cân quang	Gạc Meche (3,5*75)cm * 8 lớp, vô trùng, có cân quang Chất liệu: sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng Đóng gói tối đa 3 cái/ gói Hoặc tương đương	Cái	7.705	2.311	
9	Băng keo có gạc vô trùng 10cm x 20cm	Băng gạc tiết trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, keo acrylic, có miếng gạc thấm hút Kích thước gạc: 20cm x 10cm (± 1 cm), Kích thước nền bằng 5cm (± 1 cm) x 15cm (± 1 cm). Tiết trùng bằng ethylene oxide. Hoặc tương đương	Cái	1.046	313	
10	Băng phim dính y tế trong suốt, kích thước: 6 x 7cm, không xẻ	Băng dính trong suốt - Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), chống thấm nước, không sót keo khi tháo băng. - Kích cỡ: 6cm ($\pm 0,6$ cm) x 7cm ($\pm 0,7$ cm) - Đóng gói tiết khuẩn riêng từng miếng Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Miếng	908	272	
11	Băng phim dính y tế trong suốt, kích thước: 10x12cm, không xẻ	Băng dính trong suốt - Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), chống thấm nước, không sót keo khi tháo băng. - Kích cỡ: 10cm (± 1 cm) x 12cm ($\pm 1,2$ cm) - Đóng gói tiết khuẩn riêng từng miếng Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn FDA	Miếng	788	236	
12	Băng phim dính y tế trong suốt, kích thước: 10x25cm	Băng dính trong suốt - Chất liệu: màng Polyurethane trong suốt, không chứa latex, dễ dàng quan sát vùng dán băng, thoáng khí và thoát hơi nước, không thấm nước và ngăn vi khuẩn xâm nhập. - Phủ nền keo Acrylic (không gây kích ứng da), không có gạc. - Sử dụng để cố định thiết bị y tế, catheter,... - Tiết trùng bằng Ethylene Oxide - Đóng gói tiết khuẩn riêng từng miếng - Kích cỡ: 10x25cm (± 1 cm) Hoặc tương đương	Miếng	655	196	
13	Băng phim dính y tế trong suốt, có gạc, kích thước 10x10 cm	Chất liệu: Màng film Polyurethane trong suốt, bán thấm, không chứa latex, có nền keo Acrylic (không gây kích ứng da), có gạc cotton phủ lớp polyethylene (PE) thấm hút dịch vết thương tốt, không dính vào vết thương. Đóng gói tiết khuẩn từng miếng Kích thước: 10x10cm (± 1 cm) Hoặc tương đương	Cái	1.380	414	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
14	Băng phim dính y tế trong suốt, có gạc, kích thước 9x25cm	Chất liệu: Màng film Polyurethane trong suốt, bán thấm, , không chứa latex, có nền keo Acrylic (không gây kích ứng da), có gạc cotton phủ lớp polyethylene (PE) thấm hút dịch vết thương tốt, không dính vào vết thương. Đóng gói tiết khuẩn từng miếng Kích thước: 9x25cm (±1cm) Hoặc tương đương	Cái	6.900	2.070	
15	Bông hút nước y tế	Bông 100% sợi cotton tự nhiên. Bông trắng, không mùi, dai, không bị tơi và có độ thấm hút cao. Không độc tố và gây dị ứng. Không lẫn tạp chất. Đóng gói: tối thiểu 1kg/ gói. Hoặc tương đương	Gói	165	49	
16	Gạc phẫu thuật ô bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, vô trùng, có cân quang	Gạc phẫu thuật ô bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, vô trùng, có cân quang Thành phần: gạc hút nước được dệt từ sợi 100% cotton, độ thấm hút cao, có sợi cân quang. Tiệt trùng từng cái Đóng gói tối đa 5 cái/ gói Hoặc tương đương	Cái	135.191	40.557	
17	Gạc dẫn lưu 0,75cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Vải không dệt hút nước. Không có tinh bột, không có Dextrin. Kích thước: 0,75cm x 200cm x 4lớp, vô trùng Hoặc tương đương	Cái	2.155	646	
18	Gạc chứa bạc kháng khuẩn 10x 10cm hoặc tương đương	Băng gạc không dệt, chứa ion bạc kháng khuẩn, độ thấm hút cao. Tạo gel khi tiếp xúc với dịch vết thương, không dính gạc vào vết thương. Phổ kháng khuẩn rộng, hiệu quả diệt khuẩn cao. Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng. Kích thước 10 x 10cm. Hoặc tương đương	Miếng	345	103	
19	Gạc lưới 10 x 12cm tẩm ion bạc	Gạc lưới Lipido-Colloid hoặc tương đương, lưới Polyester, không dính vết thương, thay băng không đau, vô khuẩn, có ion bạc (0,38 - 0,62 mg/cm ²). Kích thước: ≥10 x 12cm Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE	Miếng	230	69	
20	Bộ dây truyền dịch an toàn dùng để truyền thuốc và hóa chất	- Dây truyền dịch dùng để truyền hóa chất ung thư, có màu để có khả năng tránh ánh sáng. - Chiều dài dây ≥180cm. - Đường kính trong: 3 mm (± 0,2 mm) - Đường kính ngoài: 4,1mm(± 0,2 mm) - Có chức năng đuổi khí tự động và ngăn chặn dịch chảy ra ngoài tự động - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Chất liệu Polyurethane không chứa DEHP - Cửa chích thuốc an toàn ngăn tai nạn do kim đâm vào tay điều dưỡng Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485.	Cái	39.100	11.730	
21	Bộ bơm tiêm cân quang 1 nòng, thể tích 200ml	Ống bơm thuốc cân quang 1 nòng thể tích 200ml sử dụng tương thích với máy Medrad Vistron CT. Chịu áp lực cao tối thiểu là 355psi. Chất liệu: Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP Thành phần: gồm 1 bơm tiêm, 1 ống hút, 1 dây nối áp lực dạng xoắn dài khoảng 150cm, đầu khóa xoắn Đã tiệt khuẩn. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA	Cái	533	159	
22	Ống bơm thuốc cân quang 190ml	Ống bơm thuốc cân quang có thể tích 190ml Tương thích với máy bơm tiêm áp suất cao dùng trong CT. Nhiều loại ống tiêm, có thể phù hợp với rất nhiều loại kim Hoặc tương đương.	Cái	480	144	
23	Bộ 2 ống bơm thuốc cân quang 2 nòng thể tích 200ml tương thích với máy Medrad Stelland D	Ống bơm thuốc cân quang 2 nòng. Chịu áp lực cao đến 350psi. Thành phần gồm 2 bơm tiêm cân quang 200ml, 01 ống hút, 1 dây nối chữ T hoặc Y dài ≥ 150cm. Sử dụng tương thích với máy Medrad Stelland D. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE.	Bộ	460	138	
24	Bộ 2 ống bơm thuốc cân từ 2 nòng thể tích 65ml	Ống bơm thuốc cân từ 2 nòng. Chịu áp lực cao ≥ 300psi. Thành phần: gồm 02 bơm tiêm cân từ 65ml, 02 kim nhựa rút thuốc, 1 dây nối chữ T hoặc Y dài ≥ 150cm hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy Seacrown Zenith-C60.	Bộ	575	172	
25	Bộ 2 ống bơm thuốc cân quang 2 nòng thể tích 200ml tương thích với máy Seacrown	Ống bơm thuốc cân quang 2 nòng. Chịu áp lực cao ≥ 300psi. Thành phần: gồm 02 bơm tiêm cân quang 200ml, có ít nhất 01 ống nạp nhanh, 1 dây nối chữ T hoặc Y dài ≥ 150cm hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy Seacrown Zenith-C22.	Bộ	575	172	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
26	Bơm tiêm nhựa 1ml có kim, sử dụng 1 lần	Bơm tiêm nhựa 1ml liền kim, cỡ kim 26G Chất liệu: Thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO Đóng gói: 1 cái/ gói Hoặc tương đương Xuất xứ: Việt Nam	Cái	274.932	82.479	
27	Kim chọc dò và gây tê tùy sống các số G18, G25, G27	Kim chọc dò gây tê tùy sống có trục kim và đốc kim chất liệu Polypropylene, Kim và nõng: chất liệu thép không gỉ đặc biệt và được khử trùng theo phương pháp: Ethylene oxide, thiết kế nhỏ gọn giúp giảm nguy cơ tổn thương tùy sống. Cỡ kim: G18, G25, G27 Hoặc tương đương.	cái	952	285	
28	Buồng tiêm cấy dưới da	Chất liệu: Titanium,... Tương thích MRI, Buồng chứa titanium tương thích hoàn toàn với thành phần độc của tế bào, trọng lượng thấp, dễ dàng kết nối, bệnh nhân thoải mái Bộ có đầy đủ các thành phần cần thiết để đặt buồng tiêm dưới da ở người lớn, trẻ em bao gồm: buồng tiêm, catheter, dụng cụ mở đường, dây dẫn đường, kim chọc dò tĩnh mạch, thiết bị tạo đường hầm, kim Huber,... tương thích cùng nhà sản xuất. Kích thước: 7Fr, 8Fr, 5Fr (kích cỡ người lớn và trẻ em) Hoặc tương đương.	Bộ	322	96	
29	Kim an toàn tự động dùng trong buồng tiêm dưới da, các cỡ	1. Kim tiêm an toàn, dùng trong đặt buồng tiêm cấy dưới da. Các cỡ: 20G, 22G,... 2. Kim không có lõi: đầu kim xử lý để tránh tắc kim, chất liệu thép không gỉ SUS 304. 3. Đầu nối Luer lock, dây nối dài $\geq 10\text{cm}$, khóa áp lực ngăn máu chảy ngược. 4. Thể tích mỗi $\leq 0.3\text{ml}$. 5. Lực xuyên nhỏ. 6. Dễ cố định, nhỏ gọn. 7. Có đầu bảo vệ an toàn 8. Không Latex, không DEHP 9. Tiệt trùng EO, tiêu chuẩn FDA/CE. Hoặc tương đương.	Cái	2.594	778	
30	Kim gây tê tùy sống cỡ kim 29	Kim gây tê tùy sống sử dụng trong chọc dò tùy sống. Chất liệu kim: thép không gỉ. Đầu kim cỡ: G29, sắc bén. Thiết kế kim giúp giảm đau đầu sau chọc. Có kim dẫn đường. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA.	Cái	1.377	413	
31	Kim sinh thiết mô mềm các cỡ	Kim sinh thiết tự động Chất liệu kim: thép không gỉ. Đường kính: 12G, 14G, 16G, 20G. Chiều dài: 10cm, 13cm, 16cm, 20cm. Đường kính 18G. Chiều dài: 10cm, 13cm, 16cm, 20cm, 25cm, 30cm Độ thâm nhập: 15mm hoặc 22mm và có thể điều chỉnh được Dùng tương thích với Súng Magnum có sẵn của bệnh viện. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA	Cái	29	8	
32	Kim sinh thiết xương	Kim chọc hút và sinh thiết tùy xương có tay cầm tiện lợi, đầu kim sắc nhọn, thân kim có vạch chia, kích thước kim 8G, 11G, 13G, chiều dài kim: - Cỡ kim 8G, 11G chiều dài kim 10cm và 15cm. - Cỡ kim 13G chiều dài kim 7cm $\pm$ 0,5cm và 10cm. Hoặc tương đương	Cây	9	2	
33	Kim chọc hút tùy xương	Cỡ kim: 18G Kim dùng 1 lần, chiều dài kim phù hợp để điều chỉnh chiều dài từ 8 - 45 mm. Có nút xoay điều chỉnh độ sâu, có thang vạch trên thân kim Đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh Đầu nối Luer có thể kết nối với mọi loại xylanh Hoặc tương đương	Cái	1.076	322	
34	Kim sinh thiết dùng một lần, có hỗ trợ hút chân không	Kim sinh thiết có hỗ trợ hút chân không dùng sinh thiết các tổn thương ở vú Kích cỡ kim: 8G, 10G. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA Hoặc tương đương	Cái	103	30	
35	Bộ đốt nhiệt điều trị khối u gồm kim đốt nhiệt, dây nối.	Bộ đốt nhiệt điều trị khối u sử dụng sóng cao tần. Thành phần: bộ đầu đốt và dây dẫn tín hiệu, có cảm biến nhiệt độ và bộ phận làm mát kim đốt bằng nước. Đường kính đầu kim: 20G, 18G, 17G, 15G Chiều dài đoạn sinh nhiệt: 5mm, 7mm, 10mm Hoặc tương đương.	Bộ	16	4	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
36	Kim dây định vị vị trí u trước khi mổ	Chất liệu: Kim và dây định vị: thép không gỉ. Kim phải được thiết kế để cố định ở vị trí mong muốn và hạn chế sự di chuyển của dây. Thiết kế dây cong cho phép định vị lại sau khi đặt Kích cỡ kim: 20G Chiều dài kim: 7,5 cm ($\pm 0,2$); 10,5cm ($\pm 0,2$); 13,5cm ($\pm 0,2$). Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA.	Cái	460	138	
37	Dây dẫn truyền sóng	Dây dẫn truyền sóng Viba tương thích với máy Avecure. Hoặc tương đương	Sợi	2	-	
38	Kim đốt sóng cao tần cỡ lớn	Kim đốt cỡ lớn 16G loại dùng cho vi sóng cỡ 15cm tương thích với máy cắt đốt vi sóng nhãn hiệu AVecure - Vùng đốt từ 3cm- 6cm - Có cảm biến nhiệt độ ở đầu kim - Không cần làm mát kim. Hoặc tương đương.	Cây	11	3	
39	Kim đốt sóng cao tần cỡ Mini	Kim đốt cỡ Mini 16G loại dùng cho vi sóng cỡ 10cm tương thích với máy cắt đốt vi sóng nhãn hiệu AVecure. - Vùng đốt từ 1cm- 1,5cm - Có cảm biến nhiệt độ ở đầu kim - Không cần làm mát kim Hoặc tương đương.	Cây	13	3	
40	Kim đốt sóng cao tần cỡ nhỏ	Kim đốt cỡ nhỏ 16G loại dùng cho vi sóng cỡ 15cm tương thích với máy cắt đốt vi sóng nhãn hiệu AVecure - Vùng đốt từ 1,5cm- 3cm - Có cảm biến nhiệt độ ở đầu kim - Không cần làm mát kim Hoặc tương đương.	Cây	11	3	
41	Kim đốt sóng cao tần cỡ trung bình	Kim đốt cỡ trung bình 14G loại dùng cho vi sóng cỡ 15cm tương thích với máy cắt đốt vi sóng nhãn hiệu AVecure - Vùng đốt từ 2,5 cm- 4cm - Có cảm biến nhiệt độ ở đầu kim - Không cần làm mát kim Hoặc tương đương.	Cây	46	13	
42	Đầu col xanh 1000 μ L	Đầu col xanh 1000 μ L. Hoặc tương đương	Cái	14.950	4.485	
43	Đầu col vàng có khóa 200 μ L	Đầu col vàng có khóa 200 μ L. Có chia vạch. Phù hợp để tháo và lắp vào Micropipet hiện tại đơn vị đang sử dụng. Hoặc tương đương	Cái	85.215	25.564	
44	Đầu col 10 μ L dài	Đầu col 10 μ L loại dài, chiều dài khoảng 4,5-6cm.	Cái	20.000	6.000	
45	Sáp xương cầm máu 2,5 gam	Miếng sáp cầm máu xương 2,5 gram.. Thành phần: Sáp ong..... Đóng gói tiết trùng từng miếng. Hoặc tương đương	Miếng	225	67	
46	Vật liệu cầm máu tự tiêu 10x20cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu kích cỡ 10x20cm được sản xuất từ oxy hóa cellulose. Cầm máu nhanh, hiệu quả phù hợp sử dụng trong các phẫu thuật khác nhau. Đóng gói tiết trùng tối đa 5 miếng/hộp. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE	Miếng	1.046	313	
47	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng lưới 10x20cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, đường kính sợi $\leq 20\mu$ m bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp hoặc tương đương. - Kích thước: 10 x 20cm (± 1 cm), có tính diệt khuẩn, độ pH thấp $\leq 2,4$. - Độ ẩm khi đóng gói $\leq 2,3\%$ đảm bảo khả năng cầm máu. - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn: CE/FDA.	Miếng	448	134	
48	Vật liệu cầm máu dạng bông ép kích thước 2,5 x 5,1cm	- Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu, đường kính sợi đồng nhất $\leq 20\mu$ m bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp hoặc tương đương. - Bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, thích hợp trong phẫu thuật nội soi. - Kích thước khoảng 2,5 x 5,1 cm. - Có tính diệt khuẩn. - Độ ẩm phù hợp đảm bảo khả năng cầm máu. - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn: FDA.	Miếng	161	48	
49	Clip cầm máu titan các cỡ	Clip cầm máu titan, các cỡ: lớn, trung bình lớn, trung bình, nhỏ,... Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái	2.803	840	
50	Clip cầm máu titan các cỡ dùng trong mổ mở và nội soi	Clip titan dùng cho mổ mở hoặc nội soi, bao gồm các cỡ: cỡ nhỏ, cỡ trung bình, cỡ trung bình/lớn, cỡ lớn Độ mở clip tương ứng cho các cỡ là 3mm, 4mm, 6,4mm, 7,5mm; chiều dài clip đóng tương ứng cho các cỡ: 3,63mm, 5,33mm, 8,99mm, 12,26mm; chứa 6 clip/ vi. Vì có màu. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc FDA.	Cái	690	207	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
51	Ống HCT (Haematokrit)	Ống Haematokrit dùng cho việc lấy mẫu xét nghiệm máu, sử dụng 1 lần với việc đánh dấu màu và bề mặt đầu ống nhẵn bóng, dễ dàng sử dụng và cho kết quả chính xác cao. Hoặc tương đương.	Cái/ống/tube	5.980	1.794	
52	Ống nghiệm nhựa 5ml không nắp, không nhãn	Ống nghiệm nhựa 5ml không nắp, không nhãn. Hoặc tương đương.	Cái	44.850	13.455	
53	Ống nghiệm serum	Kích thước 12-13 x75 mm. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene. Có nắp màu đỏ. Hoặc tương đương.	Cái	39.468	11.840	
54	Ống ly tâm chia vạch tiết trùng 15ml	Ống ly tâm chia vạch tiết trùng 15ml. Hoặc tương đương.	Cái	1.610	483	
55	Ống ly tâm chia vạch tiết trùng 50ml	Ống ly tâm chia vạch tiết trùng 50ml. Hoặc tương đương.	Cái	305	91	
56	Pipet nhựa chia vạch 3ml	Pipet nhựa chia vạch 3ml. Hoặc tương đương.	Cái	121	36	
57	Ống nghiệm nhựa 5ml	Thể tích: 5ml, tiết trùng Chất liệu: polystyrene 100%, trung tính, không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, trong suốt, đáy tròn Kích thước: 12x75mm. Hoặc tương đương	Cái	8.970	2.691	
58	Ống ly tâm 1.5ml	Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các xét nghiệm sinh học phân tử Thể tích: 1.5ml. Chất liệu: polypropylene, tiết trùng Kích cỡ: 10.2-10.3mm x 40mm Hoặc tương đương	Cái	35.880	10.764	
59	Ống nghiệm máu Citrate 3.8% 2ml	Kích thước (12 - 13) x75mm, nắp cao su và thân bằng nhựa PP. Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3,8%. Có vạch thể tích trên thân ống. Hoặc tương đương	Ống	71.760	21.528	
60	Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa có nắp vặn chặt, có dán nhãn để ghi thông tin bệnh nhân. Thích hợp để lấy các bệnh phẩm tạp hay lấy nước tiểu. Kích thước 2 (± 0,2)cm x 10 (± 1)cm Hoặc tương đương	Cái	47.840	14.352	
61	Lọ lấy mẫu đàm, dịch, nhớt kèm dây hút dịch	Lọ lấy mẫu đàm trong phễu quán tiết khuẩn - Lọ chứa đàm bằng nhựa trong suốt, có vạch đo, thể tích chứa ≥ 25ml. - Nắp dây bằng nhựa để đóng lại sau khi hút, đảm bảo mẫu an toàn, có dây hút dịch bằng nhựa mềm trong, dài khoảng 32 - 55cm (tùy theo kích cỡ người lớn hay trẻ em), có van kiểm soát đi kèm Chiều dài dây nối khoảng 47cm - Kích cỡ ống hút đàm 10Fr. Hoặc tương đương.	Cái	358	107	
62	Tuýp PCR 0.1ml thân trong	Tuýp PCR 0.1ml gồm ống có dung tích 0.1 ml, thân trong dùng trong xét nghiệm sinh học phân tử. Hoặc tương đương	Cái	4.600	1.380	
63	Ống nghiệm thủy tinh 5ml	Ống nghiệm thủy tinh 5ml kích thước Φ 12x75mm. Vật liệu: thủy tinh chịu nhiệt Hoặc tương đương	Cái	1.150	345	
64	Khuôn đúc bệnh phẩm có nắp	Khuôn đúc bệnh phẩm có nắp Chất liệu: nhựa, có nắp Không bị biến dạng khi ngâm với Cồn, Toluene và Xylen Hoặc tương đương	Cái	127.075	38.122	
65	Túi cho ăn có trọng lực	Túi cho ăn có trọng lực Thể tích: 1.200 ml Hoặc tương đương	Cái	460	138	
66	Mặt nạ máy xông khí dung các cỡ	Mặt nạ máy xông khí dung các cỡ: M, L, XL. Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế, với dây đeo đàn hồi, kẹp mũi điều chỉnh, với ống oxy dài ≥ 2m. Tiết trùng bằng EO. Hoặc tương đương	Cái	2.037	611	
67	Mask thanh quản dùng nhiều lần	Mask thanh quản dùng nhiều lần, Ống dẫn lưu bên trong cho phép thức ăn trong dạ dày đưa ra ngoài qua hầu. Chất liệu: silicon y tế, Kích cỡ từ trẻ em đến người lớn: 1,5; 2; 2,5; 3; 4. Ống dẫn khí có lò xo bằng thép, ngăn ngừa cắn và gấp khúc. Bóng 2 lớp, mềm, trên lưng có khí đệm bảo vệ thanh quản. Hoặc tương đương.	cái	4	1	
68	Mặt nạ thở oxy có túi khí dự trữ, dùng cho người lớn, trẻ em, sơ sinh	Mặt nạ thở oxy nồng độ cao có túi dự trữ làm bằng chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế, không có Latex, không có DEHP. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. Hoặc tương đương.	Cái	1.566	469	
69	Mũ giấy phẫu thuật, vô trùng	Nguyên liệu gác không dệt, thông thoáng, mềm mại, đảm bảo bao phủ mọi kiểu tóc. Đóng gói tiết trùng từng cái. Hoặc tương đương.	Cái	149.960	44.988	
70	Khẩu trang y tế (3 lớp) vô trùng	Khẩu trang y tế 3 lớp, vô trùng. Có lớp vi lọc, loại dây móc tai, có thanh nẹp mũi. Hoặc tương đương.	Cái	453.794	136.138	
71	Khẩu trang giấy (nẹp mũi, dây cột) vô trùng	Dạng phẳng. Có màng lọc khuẩn. Loại dây buộc qua đầu. Có thanh nẹp mũi. Hoặc tương đương.	Cái	122.590	36.777	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
72	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng pin 60mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc sử dụng pin, chiều dài cán ≥ 340 mm, độ mở hàm ≥ 22 mm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	16	4	
73	Băng ghim công nghệ chống trượt mô dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi dùng pin 60mm	Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng pin 60mm, có 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titan, chiều cao ghim mở 2,6mm; 3,6mm; 3,8mm; 4,1mm. Tương ứng với chiều cao ghim đóng 1,0mm; 1,5mm; 1,8mm; 2,0mm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	161	48	
74	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng pin 45mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 45mm gấp góc sử dụng pin, chiều dài cán ≥ 340 mm, độ mở hàm ≥ 22 mm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	16	4	
75	Băng ghim công nghệ chống trượt mô dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi dùng pin 45mm	Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 45mm, 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titan, chiều cao ghim mở 2,6mm; 3,6mm; 3,8mm; 4,1mm. Tương ứng với chiều cao ghim đóng 1,0mm; 1,5mm; 1,8mm; 2,0mm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	161	48	
76	Dụng cụ khâu cắt nối tiêu hóa đầu tròn sử dụng pin các cỡ	Dụng cụ khâu cắt nối sử dụng pin cỡ 25,29,31, đường kính ngoài của dao là 16,5mm, 20,4mm, 22,5mm; độ dài chân ghim mở $\geq 5,2$ mm; chiều cao ghim đóng có thể điều chỉnh 1,5-2,2mm. Ghim làm bằng hợp kim Titanium Có khả năng giữ mô bề mặt; Chiều dài cán dụng cụ 24cm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	50	15	
77	Banh miệng bảo vệ vết mổ có nắp phủ	Dụng cụ banh miệng vết mổ dùng cho vết mổ nhỏ có chiều dài 3-6cm. Dụng cụ gồm 2 phần: - Phần dưới tiếp xúc với miệng vết mổ: giúp banh rộng và bảo vệ vết mổ, thân hình ống dài 130 ± 5 mm chất liệu bằng Polyurethan, vòng trên với 2 lõi được cấu tạo từ thép không gỉ giúp tạo khoang vào hình tròn chắc chắn đường kính 97 ± 2 mm, vòng dưới 97mm. - Phần nắp phủ phía trên: tính năng tương tự trocar 12mm với 2 lớp van giữ khí (van mô vịt và van giữ khí phía trong chia nhiều mảnh). Kết nối với phần dưới tạo thành hệ thống kín, chất liệu bằng silicon trong suốt, có đường vào cho dụng cụ nội soi đường kính 5-12mm mà không làm rò khí ổ bụng, có cổng khí 2 chiều, có vòng che để dễ dàng gắn và tháo nắp phủ. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn: CE	Cái	80	24	
78	Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ, đường kính 2,5-6cm	Dùng để bảo vệ vết thương đường kính 2,5-6cm. Chất liệu: Pellethane và Polyurethane Có màng film trong suốt. Hoặc tương đương.	Cái	25	7	
79	Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ	Dùng để bảo vệ vết thương đường kính 2-4cm Cấu tạo: gồm 2 vòng trên và dưới (chất liệu: Pellethane), có màng film trong suốt ở giữa (chất liệu: Polyurethane) Hoặc tương đương.	Cái	4	1	
80	Tay dao mổ điện dùng 1 lần	Tay dao mổ điện dùng 1 lần Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, có thể tháo rời Chiều dài tay cầm: 150 - 170 mm Chiều dài dây: ≥ 3 m Phích cắm : 1, 2, 3 chân. Hoặc tương đương	Cái	312	93	
81	Tay dao cắt hàn mạch, hàn mô dùng trong phẫu thuật mô mở dài 23 cm	Tay dao hàn mạch, hàn mô dùng trong phẫu thuật mô mở Hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao khoảng 23cm, đường kính thân dao khoảng 5mm, quay 350 độ. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: FDA	Cái	85	25	
82	Tay dao cắt hàn mạch, hàn mô dùng trong phẫu thuật mô mở dài 21 cm	Tay dao hàn mạch, hàn mô dùng trong phẫu thuật mô mở Hàm thon nhọn, chiều dài khoảng 21 cm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: FDA	Cái	156	46	
83	Tay dao cắt hàn mạch, hàn mô dùng trong phẫu thuật nội soi, dài 37cm	Tay dao hàn mạch, hàn mô dùng trong phẫu thuật nội soi Hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37 cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: FDA	Cái	115	34	
84	Dao hàn mạch thích ứng mô, dài 25/37/45cm, hàm cong	Dao hàn mạch lưỡng cực hàm cong, Hàm phủ silicon cao cấp để giảm dính mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 25cm/37cm/45cm, phù hợp với máy phát chính GEN11 đang sử dụng tại Bệnh viện. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	13	3	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
85	Dao siêu âm dùng cho mổ nội soi cán dài 36cm, dùng cho mạch máu đường kính tới 7mm	Dao cắt cầm máu siêu âm, đường kính cán 5mm, hàn mạch tới những mạch máu 7mm, chiều dài cán 36cm, chiều dài lưỡi dao 18mm, độ mở hàm 15mm. Tương thích với máy phát chính GEN11 đang sử dụng tại Bệnh viện. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	13	3	
86	Dao siêu âm dùng cho mổ nội soi cán dài 20cm, dùng cho mạch máu đường kính tới 7mm	Dao cắt cầm máu siêu âm, đường kính cán 5mm, hàn mạch tới những mạch máu 7mm, chiều dài cán 20cm, chiều dài lưỡi dao 18mm, độ mở hàm 15mm. Tương thích với máy phát chính GEN11 đang sử dụng tại Bệnh viện. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	6	1	
87	Dụng cụ đánh dấu phẫu thuật	Dụng cụ đánh dấu phẫu thuật được thiết kế tiện lợi cho các bác sĩ phẫu thuật đánh dấu vùng phẫu thuật ở da. Mực dễ dàng lau chùi. Đầu bút dụng cụ bền, không nhoè. Hoặc tương đương.	Cái	319	95	
88	Dây dẫn đường 150cm	Dùng để dẫn đường cho ống thông niệu quản, bề mặt trơn láng, có cân quang giúp nhận biết dây di chuyển. Loại thẳng, dây tròn. Chất liệu: thép không gỉ phủ PTFE và silicon; kích thước dài ≥ 150 cm, đường kính dây 0,035" Hoặc tương đương	Sợi	34	10	
89	Trocar nội soi nhựa, không dao 12mm	Trocar nội soi nhựa trong suốt không dao dùng trong phẫu thuật nội soi cỡ 12mm, chiều dài khoảng 100mm Có đầu và nòng ngoài trong suốt, Nòng ngoài có rãnh cố định, có khóa giữ camera, van hai mảnh tích hợp van tròn tăng cường, có đầu Mũi cá heo. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA.	Cái	411	123	
90	Trocar phẫu thuật lồng ngực, đường kính 12mm	Trocar nội soi nhựa, dài khoảng 60mm, mềm, đường kính 12mm dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA.	Cái	6	1	
91	Mảnh ghép thoát vị bẹn kích cỡ 6 x 11cm	Dùng cho các trường hợp thoát vị bẹn, tái tạo thành bụng, cho phẫu thuật thông thường và nội soi. Chất liệu: polypropylene tương thích sinh học, dễ dàng xử lý, vô trùng. Kích thước khoảng 6cm x 11cm. Hoặc tương đương.	Miếng	110	33	
92	Lưới điều trị thoát vị thành bụng, kích cỡ 10cmx15cm	Kích cỡ 10 x 15cm. Dùng cho các trường hợp thoát vị vết mổ, tái tạo thành bụng, cho phẫu thuật mổ mở. Chất liệu: polypropylene tương thích sinh học, dễ dàng xử lý, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn CE/FDA.	Miếng	23	6	
93	Lưới điều trị thoát vị thành bụng, kích cỡ 30cmx30cm	Dùng cho các trường hợp thoát vị vết mổ, tái tạo thành bụng, cho phẫu thuật mổ mở. Chất liệu: polypropylene, dễ dàng xử lý, vô trùng. Kích thước: 30cm x 30cm. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA.	Miếng	23	6	
94	Bóng nong thực quản	Bóng nong có chất liệu nylon (hoặc tương đương), có đánh dấu cân quang ở đầu cuối bóng, đánh dấu ở giữa bóng, chiều dài làm việc ≥ 180 cm, kênh làm việc tương thích $\leq 2,8$ mm Chiều dài bóng từ 5,5 cm trở lên Bóng có thể bơm ở 3 cấp độ khác nhau Áp suất bóng từ 5atm trở lên Có dây dẫn đường kèm theo. Hoặc tương đương	Cái	2	-	
95	Dao cắt hớt dưới niêm mạc loại móc đốt	Dao cắt hớt dưới niêm mạc, lưỡi dao có hình chữ L, có thể xoay được Chiều dài dao khoảng 4,5mm Tương thích với máy cắt đốt nhãn hiệu UES-40 Hoặc tương đương.	cái	2	-	
96	Kim sinh thiết dạ dày, ngàm hình oval	Đầu kim hình oval, có lỗ bên. Tương thích kênh dụng cụ 2.2 mm-2.8mm Chiều dài: 155cm - 160cm. Hoặc tương đương	Cái	345	103	
97	Kim sinh thiết đại tràng ngàm hình oval, có kim	Đầu kim hình oval, có lỗ bên. Kim có kim. Tương thích kênh dụng cụ 2.2 mm-2.8mm Chiều dài: 230cm-240cm. Hoặc tương đương	Cái	345	103	
98	Chổi rửa kênh ống nội soi	Chổi rửa dài, dùng một lần với đầu hình cầu. Tương thích với ống soi dạ dày, đại tràng. Hoặc tương đương	cái	138	41	
99	Cán cầm cho lộn thắt	Cán cầm cho lộn thắt dùng thắt cuống polyp có vỏ nhựa, đường kính ngoài 2,7mm; tương thích đường kính kênh làm việc tối thiểu 2,8mm; Chiều dài làm việc được sử dụng 2300mm. Hoặc tương đương.	Cái	2	-	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
100	Găng tay cao su khám bệnh có bột, các số	Găng tay cao su khám bệnh có bột các cỡ S, M, L Chiều dài: $\geq 240\text{mm}$ Chiều rộng (mm): 80 ± 10 (S), 95 ± 10 (M), 110 ± 10 (L) Thành phần: Latex cao su thiên nhiên Hoặc tương đương	Đôi	2.181.550	654.465	
101	Găng tay cao su y tế không bột	Găng tay cao su thiên nhiên, không bột, chưa tiết trùng, chiều dài $\geq 240\text{mm}$, kích cỡ S. Hoặc tương đương	Đôi	3.450	1.035	
102	Ống thông phế quản bóng chữ S số 32, 35, 37 bên trái	Giảm thiểu nguy cơ tổn thương niêm mạc với bóng khí quản polyurethane áp lực thấp và bóng phế quản PVC. Vạch cân quang ở đầu xa, xung quanh mắt bên, phía trên bóng phế quản và ở khí quản. Độ dài ống 420mm ($\pm 5\text{mm}$). Bóng phế quản phải hình chữ S Kích cỡ: số 32, số 35, số 37 hoặc tương đương. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	46	13	
103	Ống thông phế quản bóng chữ S các cỡ 35, 37 bên phải	Giảm thiểu nguy cơ tổn thương niêm mạc với bóng khí quản polyurethane áp lực thấp và bóng phế quản PVC. Bóng chèn phế quản hình chữ S đảm bảo an toàn cho thủy trên của phổi phải. Vạch cân quang ở đầu xa, xung quanh mắt bên, phía trên bóng phế quản và ở khí quản. Độ dài ống 420mm ($\pm 5\text{mm}$) Bóng phế quản phải hình chữ S Kích cỡ: số 35, số 37 hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	46	13	
104	Sonde hậu môn các số	Chiều dài sonde: 400mm ($\pm 4\text{mm}$), được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế. Tiết trùng bằng khí EO. Kích cỡ: số 22, số 24, số 26, số 28. Hoặc tương đương.	Cái	1.568	470	
105	Ống (Conector) nối hệ thống thở máy	Ống (Conector) nối hệ thống thở máy. Hoặc tương đương.	Cái	1.159	347	
106	Dây cho ăn trẻ em các số	Chất liệu PVC trong suốt, mềm dẻo, có cân quang suốt chiều dài ống, có chia vạch. Thân ống đục đủ 2 lỗ bầu đục theo tiêu chuẩn. Trơn láng, giảm tổn thương niêm mạc Kích cỡ: 6Fr, 8Fr Chiều dài: $\geq 40\text{ cm}$ Hoặc tương đương	Cái	1.099	329	
107	Bộ ống thông mở đường rò ra da	Bộ ống thông mở đường rò ra da gồm có: - Bộ kim khâu cố định da và dạ dày, tổng chiều dài 230mm , chiều dài làm việc 81mm , kích thước kim khâu 20G. - Bộ kim mở đường PS bao gồm: mũi kim an toàn có chụp bảo vệ, tự động chụp mũi kim lại. - Ống thông nuôi ăn dạ dày kiểu bóng chất liệu silicone, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu, tấm cố định silicone bên ngoài có thể cố định ống thông và điều chỉnh khoảng cách phù hợp với độ dày thành bụng của mọi bệnh nhân. Kích thước: ống thông: 20Fr, chiều dài ống thông: $22,5\text{cm}$. Hoặc tương đương	Bộ	469	140	
108	Ống thông silicone nuôi ăn dạ dày-thành bụng, có bóng cố định	Ống thông nuôi ăn dạ dày kiểu bóng Chất liệu ống: silicone 100%, bơm bóng silicone cố định bằng nước cất, trên ống có đường cân quang, vạch đánh dấu độ sâu. Dung tích của bóng 10ml, miếng chặn để cố định ống thông nuôi ăn dạ dày có thể khoá lại dọc theo bụng khi không bơm thức ăn. Kích cỡ: 20Fr, 22Fr, 24Fr. Hoặc tương đương.	Cái	439	131	
109	Bộ ống thông Silicone nuôi ăn dạ dày qua da dạng nút	- Chất liệu ống: silicone 100%, có van chống trào ngược và kèm ống nối - Dung tích của bóng 10ml, chiều dài: ống thông: 25 - 40mm. Kích cỡ: 24Fr. - Đã tiết trùng Hoặc tương đương.	cái	115	34	
110	Ống silicone nuôi ăn đường mũi-dạ dày, có phễu và nắp	Ống Silicone nuôi ăn đường mũi-dạ dày Chất liệu ống: silicone 100%, có nút chặn tròn đầu ống, có 4 lỗ truyền dinh dưỡng/giảm áp dạ dày Đầu ống loại đầu đóng, ống trong suốt để dễ quan sát tình trạng bên trong của ống. Ống trơn láng Công nối dạng phễu có gắn nắp đậy để truyền dinh dưỡng và phần nắp ống đậy dùng để giảm áp dạ dày. Ống có đường cân quang và vạch đánh dấu độ sâu, đầu ống cân quang cho phép kiểm tra vị trí đặt ống. Chiều dài của ống nuôi ăn: tối thiểu 95cm . Kích cỡ: 14Fr; 16Fr; 18FR Hoặc tương đương.	Cái	381	114	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
111	Dẫn lưu vết thương áp lực âm 400ml	Thành phần gồm: Kim chọc qua da, dây dẫn lưu, bình chứa thể tích 400ml có 03 lò xo tạo áp lực Kích cỡ: 12FR/14FR Hoặc tương đương.	Cái	2.502	750	
112	Dẫn lưu vết thương áp lực âm thể tích 200ml	Thành phần gồm: Kim chọc qua da, dây dẫn lưu, bình chứa thể tích 200ml có 03 lò xo tạo áp lực Kích cỡ: 10FR/12FR Hoặc tương đương.	Cái	938	281	
113	Van dẫn lưu khí/dịch màng phổi	Van dẫn lưu khí/ dịch hoạt động như van một chiều để dẫn lưu khí, máu và các chất dịch khác khỏi khoang màng phổi. - Đầu nối kiểu Luer lock cho ống có đường kính khoảng 6,8mm - Đầu chuyển đổi tiếp hợp đường kính khoảng 6,8mm - Đầu nối dạng phễu cỡ 16FR - Khoang đệm với van chống trào ngược Hoặc tương đương.	cái	832	249	
114	Bộ chọc dò dẫn lưu khí/dịch màng phổi	Bộ chọc dò dẫn lưu khí/dịch màng phổi Bao gồm: 1 catheter cỡ 10 Fr; 1 trocar cỡ 6Fr; 1 kim chọc dò; bộ dây nối; dao mổ; bơm tiêm và bộ chuyển đổi. Hoặc tương đương.	bộ	830	249	
115	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, đế bằng cỡ 70mm	Đế dán vào da, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. Được sử dụng được cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. Độ pH: từ 4,0 - 5,5, Chất liệu: Hydrocolloid, giúp đế dán đề kháng mạnh với các chất ăn mòn, tạo cấu trúc mềm dẻo, vững chắc và bền. Đế bằng cho người có hậu môn nhân tạo lỗi, sử dụng kèm túi phân Kích cỡ: 70mm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA.	Cái	4.910	1.473	
116	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuốn, có bộ lọc khí - Chất liệu: nhựa polyme và vải không dệt - Đường kính vòng gắn khoảng 70mm, chiều dài túi khoảng 30cm - Túi chứa loại trong hoặc đục, có màng ngăn mùi. - Đế dán và túi gắn kết nhau qua vòng gắn. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA	Cái	5.000	1.500	
117	Airway các cỡ	Công dụng: duy trì đường thở, không bị cản trở trong quá trình gây mê. Được làm từ nhựa y tế với bề mặt trơn nhẵn. Nhiều cỡ khác nhau (cỡ số 0; 1; 2; 3; 4,...) Hoặc tương đương	Cái	9.549	2.864	
118	Ống Cannula mở khí quản có bóng các cỡ	* Ống mở khí quản có bóng làm bằng vật liệu PVC y tế. Cảnh cố định mềm dẻo và rộng giúp cố định và tối đa thoải mái cho bệnh nhân. * Bóng thể tích lớn áp lực thấp, chất liệu mềm mại hạn chế tổn thương thành khí quản. Đầu tù, trơn trượt an toàn khi luồn. * Dây đủ kích cỡ từ 6-9 (cách nhau 0.5mm). Hoặc tương đương.	Cái	259	77	
119	Ống thông tiểu 3 nhánh, các số	Sonde Foley 3 nhánh, có bóng với dung tích 30 – 50ml, các số từ 16 đến 24Fr (tối thiểu 5 cỡ), chiều dài ≥ 40 cm. Chất liệu: cao su, có độ cong thích hợp, bề mặt có tráng silicon để làm giảm phản ứng dị ứng, trơn láng không gây tổn thương khi thực hiện thủ thuật. Đóng gói tiệt trùng từng cái, tiệt trùng bằng khí E.O Hoặc tương đương.	Cái	1.350	405	
120	Sonde Kert - chữ T	Sản phẩm làm từ cao su tự nhiên, tráng silicon. Kích cỡ: 14-24Fr Hoặc tương đương.	Cái	11	3	
121	Dây thở oxy 1 nhánh các số 12, 14, 16	Chất liệu: nhựa y tế Mềm dẻo và trơn láng. Phù hợp với việc dẫn khí oxy cung cấp cho bệnh nhân Hoặc tương đương.	Cái	3.111	933	
122	Ống dẫn lưu màng phổi số 28	Ống dẫn lưu màng phổi Chất liệu: PVC, chống gãy gấp, đầu nối tương thích với các hệ thống hút Có co nối đi kèm Đầu xa mở, tròn, lỗ hút trơn tru. Có đường căn quang và đánh dấu chiều dài mỗi 2cm Kích cỡ: 28 Tiệt trùng bằng EO, không chất độc Hoặc tương đương	Cái	1.060	318	
123	Ống hút dịch đầu tròn	Dùng để loại bỏ máu và chất lỏng trong phẫu thuật. Chất liệu nhựa dễ uốn, không gãy gấp, có đầu hút thẳng hoặc tròn Nhiều kích cỡ. Hoặc tương đương.	Cái	4.938	1.481	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
124	Ông thông tiết trùng số 28	Dùng để dẫn lưu dịch trong cơ thể ra ngoài. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, không gây dị ứng, sử dụng 1 lần. Kích cỡ: số 28 Tiệt trùng bằng khí EO Hoặc tương đương.	Cái	1.637	491	
125	Bộ dẫn lưu ngực thẳng chỉnh áp lực cỡ 2300ml	Thể tích: 2300ml. Dẫn lưu kín 3 khoang, có van điều chỉnh áp lực: Van xả áp lực dương tránh tràn khí ngược; Van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng siphon hoặc trào ngược. Sử dụng van 1 chiều, có vị trí để hút dịch làm xét nghiệm. Hoặc tương đương.	bộ	374	112	
126	Dây thở oxy 2 nhánh (người lớn + trẻ em)	Dây thở oxy 2 nhánh (người lớn + trẻ em) Chất liệu: nhựa PVC mềm dẻo, không chứa DEHP Chiều dài: $\geq 2\text{m}$ Kết nối của đầu nối dẫn khí với ống oxy chắc chắn Hoặc tương đương	Cái	64.400	19.320	
127	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng các số	Được sử dụng cho thủ thuật đặt catheter tĩnh mạch trung tâm. Chất liệu catheter: polyurethane. Có chia và đánh dấu vạch đo độ dài trên thân, có đường bức xạ cân quang. Đầu catheter mềm, có đánh dấu, cân quang, 3 nòng các cỡ (5.5Fr; 7Fr) hoặc tương đương. Bộ catheter gồm: catheter 3 nòng, kim dẫn đường, bơm tiêm,..... đầy đủ các thành phần cần thiết để đặt catheter tĩnh mạch trung tâm. Hoặc tương đương	Cái	434	130	
128	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các số	Được sử dụng cho thủ thuật đặt catheter tĩnh mạch trung tâm. Chất liệu catheter: polyurethane. Có chia và đánh dấu vạch đo độ dài trên thân, đường bức xạ cân quang rõ nét, ngầm đánh dấu rõ ràng để đảm bảo vị trí chính xác Đầu catheter mềm, có đánh dấu, cân quang, 2 nòng các cỡ (4Fr; 5Fr; 7Fr) hoặc tương đương. Bộ catheter gồm: catheter 2 nòng, kim dẫn đường, bơm tiêm, ... đầy đủ các thành phần cần thiết để đặt catheter tĩnh mạch trung tâm. Hoặc tương đương	Cái	255	76	
129	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng các số	Được sử dụng cho thủ thuật đặt catheter tĩnh mạch trung tâm. Chất liệu catheter: polyurethane. Có chia và đánh dấu vạch đo độ dài trên thân, đường bức xạ cân quang rõ nét, ngầm đánh dấu rõ ràng để đảm bảo vị trí chính xác Đầu catheter mềm, có đánh dấu, cân quang, 1 nòng. Kích cỡ nòng: 14 Ga, chiều dài: 20cm Bộ catheter gồm: catheter 1 nòng, kim luồn, dây dẫn đường, que nong, khóa 3 ngã.. đầy đủ các thành phần cần thiết để đặt catheter tĩnh mạch trung tâm. Hoặc tương đương	Cái	174	52	
130	Băng keo chỉ thị nhiệt 12mm*55m	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước $\geq 12\text{mm} \times 55\text{m}$, vạch mực chuyển từ trắng ngà sang nâu sẫm/đen sau tiệt khuẩn. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121 độ C và 132-135 độ C. Hoặc tương đương.	Cuộn	138	41	
131	Băng keo chỉ thị nhiệt 18mm*50m	Kích thước $\geq 18\text{ mm} \times 50\text{ m}$ Chuyển màu: Vàng sang Nâu / Đen. - Điều kiện điểm cuối: 10 phút ở 121 độ C và 2 phút ở 134 độ C Không để lại vết chất dính trên bề mặt vật liệu sau khi bóc bỏ Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cuộn	230	69	
132	Giấy cuộn loại 100mm x 70m	Giấy cuộn được dùng để đựng dụng cụ được tiệt khuẩn bằng máy hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Sterrad 100NX Cấu tạo gồm: + Lớp giấy Tyvek dày tối thiểu 150 micromet. + Lớp phim trong suốt có chất liệu polyethylene và polyester giúp quan sát được dụng cụ bên trong. - Mỗi hán 2 bên không bị bung rách sau quá trình tiệt khuẩn - Có chỉ thị hóa học chuyển màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H ₂ O ₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad. Rộng $\geq 100\text{ mm}$, dài $\geq 70\text{ m}$. Hoặc tương đương.	Cuộn	170	51	
133	Giấy cuộn loại 150mm x 70m	Giấy cuộn được dùng để đựng dụng cụ được tiệt khuẩn bằng máy hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Sterrad 100NX Cấu tạo gồm: + Lớp giấy Tyvek dày tối thiểu 150 micromet. + Lớp phim trong suốt có chất liệu polyethylene và polyester giúp quan sát được dụng cụ bên trong. - Mỗi hán 2 bên không bị bung rách sau quá trình tiệt khuẩn - Có chỉ thị hóa học chuyển màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H ₂ O ₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad. Rộng $\geq 150\text{ mm}$, dài $\geq 70\text{ m}$. Hoặc tương đương.	Cuộn	115	34	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
134	Túi Tyvek 350mm*70cm	Giấy cuộn được dùng để đựng dụng cụ được tiết khuẩn bằng máy hấp tiết khuẩn nhiệt độ thấp Sterrad 100NX Cấu tạo gồm: + Lớp giấy Tyvek dày tối thiểu 150 micromet. + Lớp phim trong suốt có chất liệu nhựa tổng hợp giúp quan sát được dụng cụ bên trong. - Mỗi hàn 2 bên không bị bung rách sau quá trình tiết khuẩn - Có chỉ thị hóa học chuyển màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì khi tiếp xúc với H ₂ O ₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad Rộng : ≥350 mm, dài : ≥70 m. Hoặc tương đương.	Cuộn	41	12	
135	Túi hấp tiết trùng loại đẹp 150mm x 200m	Dùng để chứa dụng cụ hấp tiết trùng gồm lớp giấy chống thấm dầy và lớp màng film Poli-este và polime Propylen. Phù hợp cho hai loại tiết trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị màu chuyển màu trên túi hấp Kích thước: ≥ 150mm x 200m. Độ dày lớp giấy: ≥ 90 micromet Hoặc tương đương.	cuộn	69	20	
136	Túi hấp tiết trùng loại đẹp 200mm x 200m	Dùng để chứa dụng cụ hấp tiết trùng gồm lớp giấy chống thấm dầy và lớp màng film Poli-este và polime Propylen và khí EO. Phù hợp cho hai loại tiết trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị màu chuyển màu trên túi hấp Kích thước: ≥200mm x 200m. Độ dày lớp giấy: ≥ 90 micromet Hoặc tương đương.	cuộn	345	103	
137	Túi hấp tiết trùng loại đẹp 350mm x 200m	Dùng để chứa dụng cụ hấp tiết trùng gồm lớp giấy chống thấm dầy và lớp màng film Poli-este và polime Propylen. Phù hợp cho hai loại tiết trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị màu chuyển màu trên túi hấp Kích thước: ≥350mm x 200m. Độ dày lớp giấy: ≥ 90 micromet Hoặc tương đương.	cuộn	27	8	
138	Chỉ thị sinh học dùng cho tiết khuẩn Hydrogen Peroxide	Chỉ thị sinh học plasma cho kết quả nhanh, nắp có màu. Chỉ thị đổi màu sau khi tiếp xúc với hydro peroxide. Ông chỉ thị sinh học chứa bào tử Geobacillus Stearothermophilus. • Dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn cho cả mẻ hấp nhiệt độ thấp plasma. • Thời gian đọc kết quả: Thời gian đọc kết quả: ≤ 24 phút khi ủ với máy đọc sẵn có tại bệnh viện. Sử dụng tương thích với Máy đọc chỉ thị sinh học công nghệ kép 490 (3M™ Attest™ Auto-reader 490). Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA.	Ông	420	126	
139	Chỉ thị sinh học dùng trong tiết khuẩn bằng hơi nước	Chỉ thị sinh học dùng trong tiết khuẩn bằng hơi nước chu trình hút chân không cho kết quả nhanh trong khoảng 24 phút. Ông chỉ thị sinh học chứa bào tử Geobacillus Stearothermophilus. • Dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối. • Dùng với lò tiết khuẩn hơi nước hỗ trợ hút chân không - chu trình 132°C và 135°C. • Thời gian đọc kết quả: Thời gian đọc kết quả: ≤24 phút khi ủ với máy đọc sẵn có tại bệnh viện. Sử dụng tương thích với Máy đọc chỉ thị sinh học công nghệ kép 490 (3M™ Attest™ Auto-reader 490). Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA.	Ông	420	126	
140	Cồn sát trùng 90 độ	Cồn sát trùng 90 độ Thành phần: Ethanol ≥ 90%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Chai đóng gói tối đa 1,5 lít Hoặc tương đương.	Lít	8.510	2.553	
141	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao acid peracetic	1. Thành phần: acid peracetic 1000 ppm (được tạo ra từ acetylcaprolactam), không chứa acid acetic 2. Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Tái sử dụng trong vòng 14 ngày, có chất hoạt hóa đi kèm. 3. Hiệu quả diệt khuẩn cao 4. Tương thích với nhiều loại ống nội soi. Quy cách: Can tối đa 5 lít Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE.	Lít	598	179	
142	Dung dịch xịt làm sạch và khử trùng bề mặt thiết bị y tế (không chứa cồn)	Dung dịch xịt làm sạch và khử trùng bề mặt thiết bị y tế. Thành phần: ≥ 0.1% diidecylidimethyl ammonium chloride, tá được vừa đủ, không chứa cồn. Làm sạch và khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế. Thời gian tiếp xúc: từ 30 giây đến 60 phút (tùy theo các loại vi khuẩn, virus). Hiệu quả vi sinh: diệt vi khuẩn, virus, trực khuẩn lao. Đóng gói: tối đa 1000ml/ Chai. Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE.	ml	62.100	18.630	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
143	Dung dịch rửa vết thương	Dung dịch chứa: polihexanide 0,1% (w/w), chất hoạt động bề mặt, nước tinh khiết. Chai 250ml trở lên. Hoặc tương đương.	Chai	345	103	
144	Dung dịch tắm sát khuẩn cho bệnh nhân trước phẫu thuật	Dung dịch tắm sát khuẩn cho bệnh nhân trước phẫu thuật. Thành phần chính: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w), chất làm mềm và ẩm da. Chai 50ml trở lên. Hoặc tương đương.	Chai	4.600	1.380	
145	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene số 3/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 25 ± 1 mm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Tép	423	126	
146	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0, 2 kim. Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Kim tròn dài 21 ± 1 mm, cong 1/2 vòng tròn, dài ≥ 90 cm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Tép	503	150	
147	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene số 5/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 16 ± 1 mm. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Tép	618	185	
148	Chỉ không tan tự nhiên số 3/0	Chỉ không tan tự nhiên số 3/0, không kim, chỉ dài ≥ 60 cm, đóng gói tối thiểu 10 sợi/tép. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Tép	1.200	360	
149	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 3/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 3/0 dài ≥ 75 cm, kim 1/2 kim tròn 25 ± 1 mm. Chỉ được cấu tạo từ Sợi collagen tinh khiết có tẩm muối Chrom. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Hoặc tương đương.	Tép	156	46	
150	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0 khâu gan	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0 khâu gan Thành phần lớp phủ: Polyglactin 370 và Calcium Stearate Chiều dài chỉ ≥ 100 cm, 1 đầu tù khâu gan, kim bằng thép không gỉ, có phủ silicone, dài 65 ± 1 mm 3/8 vòng tròn Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Tép	243	72	
151	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 4/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 4/0, dài ≥ 70 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 19 ± 1 mm, tan hoàn toàn trong 42 ngày. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Tép	1.932	579	
152	Bao cao su	Nguyên liệu latex cao su thiên nhiên, có độ nhớt, màu sắc tự nhiên, co giãn tốt Hoặc tương đương	Cái	23.745	7.123	
153	Đè lưới gỗ	Làm bằng gỗ, được tiết trùng từng que. Hoặc tương đương	Cái	1.794	538	
154	Lọc đo chức năng hô hấp	* Chất liệu nhựa y tế, đường kính trong khoảng 30mm, đường kính ngoài khoảng 33mm. * Không DEHP, không latex * Đầu ngậm hình elip tiện lợi và giảm tối đa khoảng chét, thân lọc màu trắng đục. * Tiết trùng từng cái, sử dụng 1 lần. Sử dụng tương thích với máy đo chức năng hô hấp nhãn hiệu HI - 801 Hoặc tương đương.	Cái	1.688	506	
155	Filter lọc khuẩn	Phin lọc vi khuẩn - virus người lớn. Không chứa DEHP Tiết trùng từng cái, sử dụng 1 lần. Hoặc tương đương	Cái	18.977	5.693	
156	Bộ điều kinh Katman gồm ống hút điều kinh	Bộ điều kinh Katman gồm ống hút điều kinh, không sử dụng điện, có thể thay thế an toàn cho các dụng cụ khác. Tiết trùng bằng khí E.O Hoặc tương đương	Bộ	690	207	
157	Ngáng miệng có dây choáng	Mở rộng khoang miệng giúp đưa ống nội soi và dây hút vào dễ dàng. Độ mở rộng: cao: 22mm (± 2 mm), rộng: 27mm (± 2 mm). Chất liệu mềm mại giúp bệnh nhân thoải mái Dây đeo được khóa chặt 1 đầu cuối giúp việc sử dụng thuận tiện. Hoặc tương đương.	Cái	328	98	
158	Lamen 22x22mm	Lamen 22x22mm, trong suốt, độ dày 0.1-0.9mm. Hoặc tương đương	Cái	598.000	179.400	
159	Lưỡi dao cắt mô, bệnh phẩm	Dùng để cắt tiêu bản, cắt mẫu sinh học thành các phần rất mỏng cho xét nghiệm hiển vi trong giải phẫu bệnh. Làm bằng thép không gỉ, góc nghiêng khoảng 35 độ, cắt được hầu hết các loại mô. Thiết kế dao có thể tương thích với một số cán tay cầm phẫu thuật tiêu chuẩn. Khoảng cách giữa 2 lỗ định vị khoảng 32mm Sử dụng cho tất cả các loại máy cắt tiêu bản Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA. Hoặc tương đương	Cái	8.970	2.691	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
160	Dây cưa xương	Dây cưa xương. Chiều dài khoảng 400mm. Hoặc tương đương.	Sợi	13	3	
161	Thông penrose tiết trùng	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng, có phủ bột chống dính (loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ đạt tiêu chuẩn theo quy định) - Chỉ sử dụng 1 lần - Đã tiết trùng Hoặc tương đương	Cái	448	134	
162	Dây Garo	Dùng làm băng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, dễ thao tác. Có thể sử dụng nhiều lần Kích thước: 2,5cm (±0,5cm) x 30cm (± 2cm) Hoặc tương đương	Cái	719	215	
163	Điện cực Leep sử dụng 1 lần	Điện cực cắt, cầm máu vòng leep sử dụng cho dao mổ điện. Kích thước vòng điện cực khoảng: 25mm x 10mm Hoặc tương đương	Cái	11	3	
164	Giấy lọc thấm tròn	Giấy lọc thấm tròn. Hoặc tương đương	Tờ	13.570	4.071	
165	Lưới nhựa cố định đầu cổ vai hình chữ S	Sử dụng để cố định đầu, cổ, vai trong xạ trị vùng đầu hoặc cổ. Hình dạng: hình chữ S Chất liệu: nhựa chịu nhiệt/polymer cao phân tử có đặc tính giữ nguyên hình ở nhiệt độ thường và hoá dẻo ở nhiệt độ 50-70 độ C. Độ dày 2,4 mm - 3,2 mm. Tỉ lệ đục lỗ 22 - 42% Tương thích với hệ thống cố định bệnh viện Hoặc tương đương	Cái	1.150	345	
166	Lưới nhựa cố định đầu loại hình chữ S	Sử dụng để cố định đầu Hình dạng: hình chữ S Chất liệu: nhựa chịu nhiệt/polymer cao phân tử có đặc tính giữ nguyên hình ở nhiệt độ thường và hoá dẻo ở nhiệt độ 50-70 độ C. Độ dày 2,4 mm - 3,2 mm. Tỉ lệ đục lỗ 22 - 42% Tương thích với hệ thống cố định bệnh viện Hoặc tương đương	Cái	184	55	
167	Lưới nhựa cố định đầu loại hình chữ U	Sử dụng để cố định đầu Hình dạng: hình chữ U Chất liệu: nhựa chịu nhiệt/polymer cao phân tử có đặc tính giữ nguyên hình ở nhiệt độ thường và hoá dẻo ở nhiệt độ 50-70 độ C. Độ dày 2,4 mm - 3,2 mm. Tỉ lệ đục lỗ 22 - 42% Tương thích với hệ thống cố định bệnh viện Hoặc tương đương	Cái	782	234	
168	Miếng bù da	Chất liệu: silicon kích thước: 30 x 30 x 0,5cm Có thể cắt theo hình dạng mong muốn Hoặc tương đương	Cái	29	8	
169	Giấy in kết quả siêu âm	Giấy in siêu âm dùng cho máy siêu âm. Kích cỡ: 110 mm x 20m. Hoặc tương đương.	Cuộn	2.392	717	
170	Màng mô vô trùng có iode (34x35cm)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật. Cấu tạo: gồm lớp film phủ chất kháng khuẩn Iodine, lớp giấy lót,... - Kích thước: băng 35 (±1) x 35cm, tổng thể: ≥ 44cmx35cm - Đặc tính: Lớp film mỏng, thông thoáng, co giãn tốt và dính chặt trên da trong suốt quá trình phẫu thuật, cung cấp phẫu trường vô khuẩn, tăng hiệu quả ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. - Tiết khuẩn từng miếng Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn: CE.	Miếng	644	193	
171	Que thử đường huyết	Đo đường huyết nhanh trong thời gian ≤5 giây, Mẫu máu thử ≤0,6μL, Que thử hút máu bằng mao dẫn. Đo được các loại máu: mao mạch, tĩnh mạch.... Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay/lòng bàn tay/cánh tay/ bắp tay. Hoặc tương đương.	Test	4.149	1.244	
172	Gel siêu âm	Gel dùng trong chẩn đoán siêu âm y khoa, tan trong nước, không có chất ăn mòn, không gây hồng đầu dò, không gây dị ứng cho da. Can từ 5 lít trở lên. Hoặc tương đương.	Can	524	157	
173	Tấm dán điện cực trung tính	Tấm dán điện cực trung tính Hoặc tương đương.	Tấm	115	34	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
174	Indigocarmin	Dung dịch indigocarmin 0.8%. Được sử dụng trong thủ thuật cắt hết niêm mạc làm nổi bật mô trong diện cắt. Đóng gói: ít nhất 10ml/ lọ. Hoặc tương đương.	Ông/Lọ	46	13	
175	Phytohemagglutinin, M form (PHA-M)	Phytohemagglutinin có thể gây kích thích phân bào - Đã được lọc vô trùng. - Đóng gói tối thiểu 10ml/chai. Hoặc tương đương.	chai	4	1	
176	Anti B	Anti B: kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ các tế bào dòng lai Là thuốc thử phát hiện các kháng nguyên hồng cầu tương ứng trong thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. Dạng lỏng. Lọ 10ml trở lên. Hoặc tương đương	Lọ	473	141	
177	Anti AB	Anti AB: kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ các tế bào dòng lai Là thuốc thử phát hiện các kháng nguyên hồng cầu tương ứng trong thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. Dạng lỏng Lọ 10ml trở lên. Hoặc tương đương	Lọ	239	71	
178	Anti D (Rho)	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai Thuốc thử để phát hiện Type Rho (D) (IgM và IgG) trong mẫu máu người. Lọ từ 10ml trở lên. Hoặc tương đương.	Lọ	239	71	
179	Anti Human Globulin (AHG)	Hóa chất định tính/bán định lượng anti human Globulin. Lọ từ 10ml trở lên Hoặc tương đương	Lọ	2	-	
180	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin. Đóng gói: tối thiểu 100ml x4 chai/ bộ. Hoặc tương đương	Bộ	41	12	
181	Bộ nhuộm Wright	Được sử dụng để nhuộm mẫu thí nghiệm, Kỹ thuật nhuộm Romanowsky biến tính Chai từ 500ml trở lên Hoặc tương đương	Chai	6	1	
182	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen được sử dụng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) và Methylene Blue hoặc tương đương. Đóng gói: tối thiểu 100ml x3 chai/ bộ. Hoặc tương đương	Bộ	184	55	
183	Nước muối sinh lý 0,85% vô trùng	Nước muối sinh lý 0,85% vô trùng. Lọ có nắp vặn chặt. Dùng để pha huyền dịch vi khuẩn dùng cho định danh và kháng sinh đồ. Hoặc tương đương	Lọ	1.554	466	
184	Thanh nhựa định danh trực khuẩn Gram (-)	Bộ định danh là một hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc Hộp từ 20 test trở lên. Hoặc tương đương	Hộp	20	6	
185	Chai cấy máu	Chai cấy máu hai pha dùng để thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết. Chai nhựa nắp vặn chặt, có dung tích 125 mL. Thể tích môi trường 50mL. Chai có hai phase môi trường: Phase lỏng BHI có SPS kháng đông, phase đặc là mật thạch BHI hoặc tương đương.. Hoặc tương đương	Chai	2.003	600	
186	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật kháng sinh đồ các loại	Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Hoặc tương đương	Đĩa	51.750	15.525	
187	Thạch chứa môi trường nuôi cấy - BHI broth	Lọ có nắp vặn chặt chứa môi trường BHI. Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae Hoặc tương đương	Lọ	1.674	502	
188	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (MC 90)	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose Đường kính đĩa: 90mm Hoặc tương đương	Đĩa	8.878	2.663	
189	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (BA 90)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α, β, γ). Hoặc tương đương	Đĩa	9.108	2.732	
190	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (MHA 90)	Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc. Đường kính đĩa: 90mm. Hoặc tương đương	Đĩa	6.003	1.800	
191	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (SAB 90)	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm Đường kính đĩa: 90mm. Hoặc tương đương	Đĩa	460	138	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
192	Đĩa giấy Esculin	Dùng trong thử nghiệm thủy giải Esculin Hoặc tương đương	Đĩa	46	13	
193	Test nhanh phát hiện virút H. Pylori trong dạ dày	Dạng ống nhựa chứa môi trường thạch dùng kiểm tra nhanh sự có mặt của H. pylori có trong mẫu bệnh phẩm hoặc môi trường nuôi cấy. Yêu cầu test H Pylori cho kết quả nhanh trong thời gian khoảng dưới 30 phút. Hoặc tương đương	Test	18.400	5.520	
194	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn hòa tan được trong nước, dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng hoặc tương đương. Loại thể tích từ 80ml trở lên. Hoặc tương đương	Tube	1.030	309	
195	Paraffin được dụng	Thành phần: parafin tinh khiết dùng để xử lý mô + đúc mô trong giải phẫu bệnh, không có dimethyl sulfoxide (DMSO). Điểm nóng chảy: dưới 58 độ C. Dạng hạt. Hoặc tương đương	kg	1.189	356	
196	Keo gắn lamén	Keo gắn lamén. Có độ nhớt thấp, chứa chất chống phai màu, giúp bảo quản mẫu lâu dài, có thể trộn lẫn với các chất làm sạch gồm cả chất thay thế xylen. Làm khô nhanh chóng. Chất nền là toluen. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: FDA. Hoặc tương đương	ml	15.163	4.548	
197	Chai nuôi cấy tế bào	Diện tích nuôi cấy: 25cm ² Vô trùng, sử dụng trong nuôi cấy tế bào động vật (tế bào tủy xương và tạo máu), không xử lý bề mặt. Nuôi huyền phù. Hoặc tương đương	Chai	2.332	699	
198	Gel cắt lạnh	Được sử dụng cho máy cắt lạnh hỗ trợ vùi mô, được pha chế với các đặc tính vật lý giống với môi trường vùi mô. Hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE/FDA.	ml	14.904	4.471	
199	Hematoxylin	Hematoxylin được sử dụng trong các kỹ thuật nhuộm mô học Chai từ 473ml trở lên. Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn: FDA.	Chai	92	27	
200	Xylen	Độ tinh khiết của Xylen $\geq 99,0\%$, không màu, trong suốt, mùi đặc trưng, không mùi khó chịu. Tỷ trọng: 0.86-0.88g/cm ³ ở 20 độ C. Hòa tan tốt trong ethanol và các dung môi hữu cơ khác Hoặc tương đương	Lit	425	127	
201	Formol	Thành phần: Formalin (Formaldehyd): 36 - 40%. Chai 1L trở lên Hoặc tương đương	Chai	358	107	
202	Giemsa	Dung dịch Giemsa sử dụng trong các kỹ thuật nhuộm sắc thể đồ. Chai 500ml trở lên pH: 6.0 - 8.2 Hoặc tương đương	Chai	23	6	
203	Acid Acetic 3%	Dung dịch acid acetic nồng độ 3% Dùng trong sản phụ khoa Chai từ 500ml trở lên Hoặc tương đương	Chai	23	6	
204	Dung dịch Lugol 5%	Dung dịch Lugol nồng độ 5% Dùng trong sản phụ khoa Chai từ 500ml trở lên Hoặc tương đương	Chai	9	2	
205	Dầu parafin	Dung dịch dầu parafin không màu Nồng độ: 0.835-0.860g/ml Chai từ 1 lít trở lên Hoặc tương đương	Chai	18	5	
206	NaH ₂ PO ₄	NaH ₂ PO ₄ từ 99-100.5% pH: 4.0 - 4.5 Chai từ 500g trở lên. Hoặc tương đương	Chai	69	20	
207	Na ₂ HPO ₄	Na ₂ HPO ₄ dạng bột tinh khiết hay dạng tinh thể không màu. Chai 500g trở lên Hoặc tương đương	Chai	165	49	
208	Cồn tuyệt đối	Ethanol hàm lượng $\geq 99,5\%$, trong suốt, không màu sử dụng trong xét nghiệm. Đóng gói tối đa: 2 lít/ chai. Hoặc tương đương	Lit	3.624	1.087	
209	Test định danh nhanh M.tuberculosis	Định tính phát hiện các kháng thể (IgG/IgM) kháng M.tuberculosis trong máu toàn phần/ huyết thanh/ huyết tương người. Hoặc tương đương	Test	4.186	1.255	
210	Test nhanh phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV	Định tính phát hiện các kháng thể kháng virus viêm gan C trong máu toàn phần/ huyết thanh/ huyết tương người. Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu $\geq 99,8\%$. Hoặc tương đương	Test	3.033	909	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
211	Test nhanh phát hiện kháng thể IgG & IgM anti-TP Syphilis	Phát hiện kháng thể (IgG & IgM) kháng giang mai trong máu toàn phần/ huyết thanh/ huyết tương người. Độ nhạy: $\geq 98,9\%$, độ đặc hiệu: $\geq 98,5\%$ Hoặc tương đương	Test	3.026	907	
212	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch	Lam kính dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch, cạnh mặt cắt góc 45° , nhuộm không bị trôi mẫu. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana Benchmark Kích thước: (25-25,5) mm x (75-75,5) mm - Độ dày: 1 - 1,2 mm. Hoặc tương đương	Cái	32.064	9.619	
213	Hóa chất cung cấp chất dinh dưỡng cho môi trường nuôi cấy tế bào	Nguồn gốc: huyết thanh thai bò. Cung cấp dinh dưỡng cho môi trường nuôi cấy tế bào. Được lọc vô trùng sử dụng trong nuôi cấy tế bào. Hoặc tương đương	ml	1.495	448	
214	Dung dịch Potassium Chloride 0.075M	Dung dịch Potassium Chloride 0.075M - dung dịch nhược trương để làm to các tế bào nhằm tạo điều kiện cho sự lan rộng của các nhiễm sắc thể giữa kỳ giữa để tạo nhân. Dạng lỏng, được lọc vô trùng. Chai từ 100ml trở lên Hoặc tương đương	Chai	18	5	
215	Hóa chất ngăn chặn sự hình thành trực chính trong quá trình phân bào	Hóa chất ngăn ngừa sự hình thành thoi vô sắc trong quá trình phân bào để có thể tách nhiễm sắc thể phục vụ cho các nghiên cứu di truyền tế bào. Thành phần: dung dịch N-desacetyl-N-methylcolchicine khoảng 10 $\mu\text{g/ml}$ trong dung dịch muối cân bằng Hank (HBSS) Lọ 10ml trở lên Hoặc tương đương	Lọ	4	1	
216	Bone Marrow Medium	Môi trường bổ sung đầy đủ các chất cho nuôi cấy tùy xương và các tế bào tạo máu khác cho các nghiên cứu di truyền tế bào Là môi trường RPMI 1640 được tối ưu hóa, được bổ sung Fetal Bovine Serum (FBS), gentamicin và L-glutamine Thể tích: chai từ 100ml trở lên Hoặc tương đương	Chai	16	4	
217	Hóa chất dùng cho nuôi cấy tế bào	Là Môi trường sử dụng trong nuôi cấy tế bào, đã được lọc vô trùng. Dạng lỏng. Thành phần gồm: L-glutamine, HEPES, phenol đỏ,... Hoặc tương đương	ml	3.588	1.076	
218	Dung dịch Trypsin - EDTA 0,25%	Dung dịch Trypsin - EDTA nồng độ 0,25% được sử dụng để phân ly tế bào. pH: 7.1-8. Chai 100ml trở lên Hoặc tương đương	Chai	20	6	
219	Hồng cầu mẫu A1, B	Khả năng thực hiện xét nghiệm: phát hiện sự xuất hiện của kháng thể kháng kháng nguyên A1, B Thành phần: Tế bào hồng cầu người được cung cấp ở dạng huyền phù ở mức lớn hơn hoặc bằng 20% và có chứa chất bảo quản. Hoặc tương đương	Hộp	82	24	
220	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Viêm gan C	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis C Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR Nguồn mẫu: huyết tương. Thành phần cung cấp: Bộ kit :thuốc thử RT-PCR (đồng khô), chứng nội IC, chứng dương nồng độ cao và thấp, standard (mẫu chuẩn) CAL1 và CAL2 , chứng âm. Thuốc thử đóng gói dạng đồng khô Chứng âm: dạng dung dịch lỏng Hoặc tương đương	Test	230	69	
221	Bộ xét nghiệm IVD định tính phức hợp vi khuẩn lao	Bộ xét nghiệm IVD định tính phức hợp vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis complex) bằng kỹ thuật Real-time PCR. - Nguồn mẫu: đa nguồn mẫu (đờm, dịch rửa phế quản/khí quản, mẫu mô, máu toàn phần, dịch não tủy, dịch khớp, nước tiểu, dịch nuôi cấy vi khuẩn....) -Thành phần: Bộ chứng và Bộ khuếch đại Hoặc tương đương	Test	805	241	
222	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Epstein Barr Virus	Bộ xét nghiệm IVD định tính và định lượng Epstein Barr Virus (EBV) bằng kỹ thuật real-time PCR - Nguồn mẫu: máu toàn phần, buffy coat, mô, nước tiểu, mẫu phết, mẫu đờm, huyết tương, dịch não tủy. - Thành phần cung cấp: PCR mix, PCR Buffer, hot star DNA Polymerase, TE - Buffer, Chứng dương C+, chứng âm C-, chứng nội IC và chứng chuẩn Standard. Hoặc tương đương	Test	506	151	
223	Hóa chất dùng cho tách chiết acid nucleic	Bộ xét nghiệm IVD được sử dụng cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus bằng công nghệ cột lọc Nguồn mẫu: huyết tương, huyết thanh, nước tiểu, dịch tủy xương, mẫu phết, dịch não tủy. Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết, tăng khả năng thu hồi RNA virus có mật độ thấp. Hoặc tương đương	Test	1.610	483	

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%	Ghi chú
224	Bộ xét nghiệm IVD định lượng vi rút viêm gan B	Bộ xét nghiệm IVD định lượng vi rút viêm gan B (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: huyết tương. - Thành phần cung cấp: + Bộ kit: gồm thuốc thử RT-PCR (đông khô), chứng nội IC, chứng dương nồng độ cao và thấp, standard (mẫu chuẩn) CAL1 và CAL2, chứng âm. Hoặc tương đương	Test	1.380	414	
225	Ampu bóp bóng giúp thở các cỡ	Chất liệu: Silicone, dùng nhiều lần, không gây kích ứng, thể tích túi có thể sử dụng cho người lớn, trẻ em; sơ sinh, kèm mask, dây oxy và túi chứa. Hoặc tương đương.	Cái	23	6	
226	Dầu soi kính	Dầu soi kính. Chai 500ml trở lên. Hoặc tương đương.	Chai	11	3	
227	Bao chi dùi dùng cho phòng chống huyết khối tĩnh mạch	Có 3 kích cỡ S,M,L. Các size tương ứng với chiều dài vòng bắp đùi của bệnh nhân. Chất liệu sợi mang lại sự mềm mại và mịn màng. Thiết kế dạng bao nhỏ giúp phân tán đều áp lực. Dùng được cho máy có tác dụng bơm áp lực ngắt quãng, có thể tạo 3 mức áp lực nén là 45 mmHg (khu vực mắt cá chân) - 40mmHg (khu vực bắp chân) - 30 mmHg (khu vực bắp đùi). Hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE/FDA	Đôi	80	24	
228	Ông thở người lớn và bình làm ẩm	Dây thở tích hợp cảm biến nhiệt độ và bình làm ẩm. Bao gồm: 1. Bình làm ẩm: - Thể tích ≥ 280 ml. - Tự làm đầy nước vào bình. 2. Dây thở: - Lưu lượng dòng cung cấp lên đến 60 lít/phút. - Chiều dài: $\geq 1,8$ m - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở. - Có kẹp giúp cố định dây thở trên người bệnh. - Không chứa DEHP. - Sử dụng liên tục lên đến 14 ngày.. Hoặc tương đương.	Bộ	11	3	
229	Canula thở HFNC (Gọng thở mũi)	Gọng thở oxy qua mũi cho thở máy oxy dòng cao (HFNC). Dòng cung cấp lên đến 50-60 lít/phút. Sử dụng công nghệ giảm ngưng tụ hơi nước trên đường dây. Thiết kế dây cố định đầu và áp vào má mềm, giảm áp lực tỷ lên bệnh nhân. Có 3 size lựa chọn: S, M, L. Có kẹp cố định dây cannula với dây cố định quanh đầu. Sử dụng liên tục lên đến 14 ngày. Hoặc tương đương.	Bộ	57	17	
230	Cảm biến theo dõi đường huyết liên tục	- Trọng lượng: < 10gram - Phạm vi đo chỉ số Glucose: 40 - 500 mg/dL - Có thiết kế chống nước. - Thời gian sử dụng: tối đa 14 ngày. Hoặc tương đương	Cái	46	13	
231	Cup thuốc thử đựng hóa chất phản ứng cho xét nghiệm điện di mao quản	Cup thuốc thử đựng hóa chất phản ứng cho xét nghiệm điện di mao quản trên hệ thống điện di 2 đầu di. Tương thích với Máy điện di mao quản tự động Minicap Flex Piercing của bệnh viện. Hoặc tương đương.	Cái	862	258	
232	Cán que cấy kim loại	Cán que cấy vi sinh bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa, chiều dài 19,8-25cm. Dùng để gắn thêm đầu que cấy sử dụng thao tác trong cấy Vi sinh. Hoặc tương đương.	Cái	69	20	
233	BHI có 20% Glycerol	Môi trường BHI có 20% Glycerol chứa trong tube ≥ 1 mL, nắp vận, được sử dụng để bảo quản vi khuẩn. Hoặc tương đương.	Lọ	115	34	
234	Kẹp sinh thiết thẳng, dài 200mm	Kẹp sinh thiết thẳng, dài khoảng 200mm, có cán cầm, ngàm có máu. Có thể hấp tiệt khuẩn nhiều lần, không bị ăn mòn. Chất liệu: Thép không gỉ. Hoặc tương đương	Cái	4	1	
235	Mẫu chứng được sử dụng để theo dõi kiểm soát chất lượng kết quả của các xét nghiệm IgE	Phương pháp: Đo độ đục. Thành phần CONTROL I/II: có nguồn gốc từ người, chứa natri azide (0,2% đông khô, <0,01% hoàn nguyên). Tương thích với Máy xét nghiệm sinh hoá miễn dịch tự động Architect ci16200 hiện có tại bệnh viện. Hoặc tương đương.	ml	48	14	
236	Máy đo huyết áp tự động	Màn hình LCD *Giới hạn đo: Huyết áp: 0 tới 280 mm Hg. Nhịp tim: 30 tới 160 nhịp/phút. *Độ chính xác: Huyết áp: ± 3 mm Hg. Nhịp tim: $\pm 5\%$ kết quả đo. * Nguồn điện: Pin (4 pin AA) và có thể cắm điện để sử dụng. *Kích thước máy: Khoảng 100-105mm (rộng) x 70-85mm (cao) x 120-150mm (dài) * Chu vi vòng bít $\geq 22-32$ cm Hoặc tương đương	Bộ	29	8	
TỔNG CỘNG: 236 khoản						

CÔNG TY
Địa chỉ:
SDT:
Email:
Mã số thuế:



BẢNG BÁO GIÁ

KÍNH GỬI: BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 575/BVUBĐN-BMT ngày 14 tháng 04 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty....., có địa chỉ tại:, báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Số lượng/ khối lượng tùy chọn mua thêm 30%	ĐVT	Đơn giá (Đã có VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)	Thành tiền tùy chọn mua thêm 30% (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
TỔNG CỘNG: KHOẢN												-	-

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2025.
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 202...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)